

Luật số: /2026/QH16

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**LUẬT****HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (SỬA ĐỔI)**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi).

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ* là doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí về doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Luật này và một trong các điều kiện tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp như sau:

a) Doanh nghiệp tư nhân có chủ doanh nghiệp là phụ nữ;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là phụ nữ;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có một hoặc nhiều phụ nữ là thành viên sở hữu từ 20% vốn điều lệ trở lên;

c) Công ty cổ phần có một hoặc nhiều phụ nữ là cổ đông sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; hoặc có một hoặc nhiều phụ nữ là cổ đông sở hữu từ 20% vốn điều lệ trở lên và có ít nhất 30% thành viên Hội đồng quản trị là phụ nữ;

d) Công ty hợp danh có ít nhất một thành viên hợp danh là phụ nữ.

2. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa do người khuyết tật làm chủ* là doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí về doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Luật này và một trong các điều kiện tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp như sau:

a) Doanh nghiệp tư nhân có chủ doanh nghiệp là người khuyết tật;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là người khuyết tật;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có một hoặc nhiều người khuyết tật là thành viên sở hữu từ 20% vốn điều lệ trở lên;

c) Công ty cổ phần có một hoặc nhiều người khuyết tật là cổ đông sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; hoặc có một hoặc nhiều người khuyết tật là cổ đông sở hữu từ 20% vốn điều lệ trở lên và có ít nhất 30% thành viên Hội đồng quản trị là người khuyết tật;

d) Công ty hợp danh có ít nhất một thành viên hợp danh là người khuyết tật.

3. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật* là doanh nghiệp có số lao động là người khuyết tật chiếm từ 30% trở lên trên tổng số lao động.

4. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng tiêu chí về doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này.

5. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững* là doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng một trong các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh doanh bao trùm, áp dụng khung môi trường, xã hội và quản trị (ESG).

6. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị* là doanh nghiệp tham gia vào mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.

7. *Cơ sở dữ liệu về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa* là tập hợp thông tin về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc.

8. *Cổng Thông tin về doanh nghiệp* là cổng thông tin điện tử được sử dụng để đăng ký nhận hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; công bố, truy cập và khai thác thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

9. *Hệ thống thông tin doanh nghiệp* bao gồm Cổng Thông tin về doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và hạ tầng số để vận hành hệ thống.

10. *Cơ sở thí nghiệm dùng chung* là cơ sở cung cấp các trang thiết bị dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.

11. *Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi là cơ sở ươm tạo)* là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các tổ chức, cá nhân hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập.

12. *Khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi là khu làm việc chung)* là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm, cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, liên kết các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

13. *Phiếu (Voucher) hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa* là Phiếu cung cấp khoản hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp để chi trả một phần chi phí sử dụng dịch vụ hỗ trợ theo quy định tại Luật này.

14. *Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa* là mạng lưới các chủ thể, cơ chế, chính sách, hạ tầng, nền tảng và dịch vụ hỗ trợ được kết nối, phối hợp nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hình thành, phát triển, đổi mới sáng tạo, tiếp cận nguồn lực, tham gia chuỗi giá trị và phát triển bền vững.

Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động bình quân năm không quá 300 người và có tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 400 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước và cam kết quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện. Ứng dụng triệt để chuyển đổi số trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đổi mới phương thức hỗ trợ thông qua các cơ chế linh hoạt như Phiếu hỗ trợ, theo sản phẩm hoàn thành và các hình thức phù hợp khác.

3. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực. Khuyến khích triển khai toàn diện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để tạo tác động và kết quả thực chất. Đẩy mạnh việc phân bổ ngân sách nhà nước hỗ trợ theo kết quả đầu ra và gắn trách nhiệm của đơn vị triển khai.

4. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách Nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật.

5. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất. Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ, người khuyết tật làm chủ; doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ, sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật.

6. Ưu tiên triển khai kết hợp các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Luật này nhằm tạo tác động toàn diện, thực chất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ.

7. Tài sản, thiết bị, phần mềm và giải pháp hình thành từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của Luật này được quản lý, sử dụng theo mục tiêu hỗ trợ và không phải thực hiện thủ tục xác lập sở hữu nhà nước, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhận hỗ trợ khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội cho người lao động và không trong quy thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguồn vốn và phương thức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:

a) Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: nguồn vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước; nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

b) Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được lập dự toán, thẩm định, phê duyệt, quyết toán theo quy định của pháp luật.

2. Phương thức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

a) Các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 3 Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, khoản 3 Điều 17 của Luật này được thực hiện thông qua các phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc tự thực hiện hoặc lựa chọn bên cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Đối với các nội dung hỗ trợ về công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các nội dung hỗ trợ trọng tâm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững và doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị được thực hiện theo các phương thức quy định tại điểm a khoản này và phương thức Phiếu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để sử dụng dịch vụ hỗ trợ phù hợp với nhu cầu.

c) Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Phân biệt đối xử, gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
4. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
5. Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.

Chương II. NỘI DUNG HỖ TRỢ CHUNG

Điều 8. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng

1. Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp, phương án sản xuất kinh doanh, phương án mở rộng thị trường và các hình thức cho vay dựa trên dữ liệu, dòng tiền hoặc theo chuỗi giá trị, tài sản hình thành trong tương lai, quyền tài sản, quyền sở hữu trí tuệ, tài sản vô hình, tài sản số, tài sản ảo.
2. Nhà nước khuyến khích các tổ chức tín dụng phát triển sản phẩm tín dụng phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở đa dạng hóa hình thức bảo đảm tiền vay, bao gồm bảo đảm bằng động sản, tài sản hình thành trong tương lai, quyền tài sản, quyền sở hữu trí tuệ, tài sản vô hình, tài sản số, tài sản ảo và tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và được vay vốn với lãi suất ưu đãi tại Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Mục II Chương IV của Luật này.
4. Nhà nước khuyến khích các tổ chức tài chính, tín dụng phát triển sản phẩm, công cụ tài chính sáng tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm tài trợ chuỗi cung ứng, tài trợ theo đơn hàng, tài trợ đồng hành, đồng đầu tư, tài chính hỗn hợp, cung cấp vốn môi và các sản phẩm, công cụ phù hợp khác để tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn cho DNNVV.

Điều 9. Hỗ trợ thuế và kế toán

1. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa lĩnh vực công nghệ chiến lược, doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ cao.

4. Doanh nghiệp siêu nhỏ được áp dụng các thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất

1. Căn cứ vào điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc sử dụng ngân sách địa phương để:

a) Hỗ trợ một phần đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ. Các nội dung được hỗ trợ bao gồm: hỗ trợ thu hồi đất, bồi thường, tái định cư; hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và thông tin liên lạc.

b) Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê và thuê lại.

2. Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê, thuê lại, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa công nghệ hỗ trợ. Không áp dụng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghệ hỗ trợ thuê, thuê lại quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế, xác định diện tích đất đối với từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng bảo đảm bình quân 20 ha/khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ hoặc 5% diện tích đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn để dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghệ hỗ trợ thuê, thuê lại.

5. Trường hợp khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới theo quy định tại khoản 4 Điều này mà không được nhận hỗ trợ đầu tư của Nhà nước để

xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, sau thời hạn 02 năm kể từ ngày khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoàn thành việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng mà không có doanh nghiệp doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ thuê, thuê lại, thì chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quyền cho các doanh nghiệp khác thuê, thuê lại.

6. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ được hỗ trợ giảm tối thiểu 30% tiền thuê đất trong vòng 05 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng hoặc cơ quan có thẩm quyền được giao quản lý, vận hành khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này. Khoản hỗ trợ tiền thuê đất này được Nhà nước hoàn trả cho chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền vận hành khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giảm tiền thuê đất quy định tại khoản này.

7. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ưu tiên doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản và thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 11. Hỗ trợ công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp. Doanh nghiệp được sử dụng quỹ để tự triển khai hoặc đặt hàng bên ngoài nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo cơ chế khoán sản phẩm. Việc sử dụng quỹ này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được ưu tiên hỗ trợ từ Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và tham gia các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên sử dụng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở nghiên cứu, cơ sở thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ đổi mới sáng tạo, dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển giao công nghệ và pháp luật có liên quan.

Căn cứ quy mô và lĩnh vực hoạt động, doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ:

a) Chi phí sử dụng cơ sở nghiên cứu, cơ sở thử nghiệm, cơ sở thí nghiệm dùng chung, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật phục vụ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên giao công nghệ.

b) Chi phí tư vấn đánh giá, lựa chọn, tiếp nhận, hấp thụ, làm chủ, cải tiến công nghệ; tra cứu, khai thác thông tin công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích, tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đổi mới sáng tạo.

c) Chi phí tư vấn xây dựng và triển khai phương án đổi mới công nghệ, chuyên đổi số, sản xuất thông minh, cải tiến quy trình quản trị sản xuất và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ tạo lập, xác lập, khai thác, quản lý và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu và bí mật kinh doanh trong nước hoặc quốc tế.

5. Hỗ trợ chuyển đổi số:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng lộ trình, quy trình, số hóa và xử lý dữ liệu trong quá trình chuyển đổi số; tư vấn ứng dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ số và nền tảng số phù hợp với nhu cầu và mức độ trưởng thành số của doanh nghiệp;

b) Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ được Nhà nước hỗ trợ quyền sử dụng các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung theo quy định của Chính phủ;

c) Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ một phần chi phí thực hiện chuyển đổi số bao gồm: thuê hoặc mua hạ tầng số, công nghệ số, nền tảng số, giải pháp kỹ thuật; số hóa và xử lý dữ liệu; triển khai các biện pháp bảo vệ bảo vệ dữ liệu và an ninh mạng.

d) Nhà nước có chính sách ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng các sản phẩm, giải pháp công nghệ số do doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước nghiên cứu và phát triển.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Hỗ trợ mở rộng thị trường

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được ưu tiên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế, chương trình phát triển thương mại điện tử, chương trình vươn ra thị trường quốc tế và các chương trình phù hợp khác.

2. Ưu đãi trong mua sắm công

a) Gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp sử dụng ngân sách nhà nước có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trường hợp đã tổ chức đấu thầu, nếu không có doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng được yêu cầu thì được phép tổ chức đấu thầu lại và không phải áp dụng quy định tại khoản này;

b) Cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm công dành tỷ lệ tối thiểu 20% ngân sách hoặc 20% số lượng gói thầu hàng năm để mua sắm sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, cung ứng.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia thương mại điện tử xuyên biên giới

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ nâng cao năng lực tham gia hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới và xuất khẩu trực tuyến trên nền tảng số. Nội dung hỗ trợ gồm:

a) Đào tạo, tư vấn, cung cấp thông tin và kết nối giải pháp ứng dụng công nghệ phục vụ quản trị, vận hành, tiếp thị, bán hàng, truy xuất nguồn gốc, quản trị khách hàng, quản lý chuỗi cung ứng, logistics và các nội dung liên quan khác;

b) Tư vấn xây dựng mô hình kinh doanh số, thiết lập và vận hành gian hàng trên nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới, phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường nước ngoài và thực hiện thanh toán quốc tế;

c) Tư vấn pháp lý, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, phòng ngừa và xử lý rủi ro, tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới;

d) Nâng cao mức độ tin cậy trong giao dịch điện tử, tham gia cơ chế đánh giá tín nhiệm và xác thực thông tin trên môi trường số.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 13. Hỗ trợ đào tạo

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ chi phí tham gia các chương trình đào tạo về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

2. Các hình thức đào tạo bao gồm:

a) Đào tạo trực tiếp;

b) Đào tạo trực tuyến;

c) Đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến;

d) Đào tạo trực tiếp tại cơ sở của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Hỗ trợ tư vấn, cố vấn, huấn luyện

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn, cố vấn và huấn luyện về pháp lý, quản trị doanh nghiệp và các lĩnh vực có liên quan khác.

2. Nhà nước khuyến khích hình thành và phát triển mạng lưới tư vấn viên trong lĩnh vực pháp lý, quản trị doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ tư vấn, cố vấn, huấn luyện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Tư vấn viên thuộc mạng lưới quy định tại khoản 2 Điều này được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho hoạt động tư vấn, cố vấn, huấn luyện doanh nghiệp.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Hỗ trợ pháp lý

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được Nhà nước hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động phòng ngừa và hạn chế rủi ro pháp lý trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

2. Các nội dung hỗ trợ pháp lý gồm:

a) Hỗ trợ cung cấp thông tin pháp luật;

b) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật;

c) Tư vấn pháp luật thông qua mạng lưới tư vấn viên pháp lý quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật này.

2. Chính phủ tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật, vận hành Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đổi mới phương thức triển khai hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa, lĩnh vực và địa bàn phụ trách; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu về hoạt động hỗ trợ pháp lý với Hệ thống thông tin hỗ trợ pháp lý quốc gia theo quy định của Chính phủ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Hỗ trợ thông tin

1. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng Thông tin doanh nghiệp, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp;

c) Các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Chính phủ tổ chức xây dựng, nâng cấp và vận hành Hệ thống thông tin doanh nghiệp làm nền tảng dùng chung hỗ trợ doanh nghiệp trên cơ sở tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông tin, dịch vụ và các ứng dụng hỗ trợ khác. Các thông tin, dữ liệu về doanh nghiệp nhỏ và vừa trong Hệ thống thông tin doanh nghiệp được khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về thông tin, dữ liệu.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức hiệp hội doanh nghiệp thực hiện việc kết nối, liên thông dữ liệu với Hệ thống thông tin doanh nghiệp bảo đảm doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ

thông qua cơ chế một cửa thống nhất.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ, người khuyết tật làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, doanh nghiệp ở miền núi, biên giới, hải đảo

Ngoài các nội dung hỗ trợ chung quy định tại Chương này, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ, người khuyết tật làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, doanh nghiệp ở miền núi, biên giới, hải đảo được hỗ trợ các nội dung sau đây:

1. Hỗ trợ cung cấp miễn phí hoặc hỗ trợ sử dụng nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung và các giải pháp số cơ bản về quản trị, vận hành, thanh toán theo quy định của Chính phủ.

2. Ưu tiên tham gia các gói thầu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 của Luật này.

3. Hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, tư vấn, cố vấn, huấn luyện và hỗ trợ pháp lý chuyên sâu phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

4. Chi phí đào tạo, đào tạo lại người lao động của các doanh nghiệp quy định tại Điều này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 150% khoản chi tiền lương, tiền công và khoản đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là phụ nữ, người khuyết tật và người lao động làm việc tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

6. Nhà nước phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính toàn diện phù hợp với đặc điểm, quy mô và nhu cầu của các doanh nghiệp quy định tại Điều này.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Nhà nước có chính sách phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm huy động, kết nối và sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước và nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, tham gia chuỗi giá trị, mở rộng thị trường và phát triển bền vững.

2. Các chính sách thúc đẩy phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm các hoạt động sau đây:

a) Phát triển thị trường dịch vụ phát triển kinh doanh, bao gồm dịch vụ tư vấn, cố vấn, huấn luyện, đào tạo, pháp lý, tài chính, khoa học công nghệ, đổi mới

sáng tạo, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, chất lượng, xúc tiến thương mại, kết nối đầu tư và các dịch vụ hỗ trợ khác;

b) Phát triển mạng lưới tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; mạng lưới tư vấn, cố vấn, huấn luyện; cơ sở nghiên cứu, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, cơ sở thí nghiệm dùng chung, khu làm việc chung, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp của quốc gia và địa phương;

c) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các chủ thể tham gia hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia, tư vấn viên, cố vấn, huấn luyện doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy trao đổi chuyên gia, hợp tác đào tạo và chuyên gia tri thức;

d) Phát triển và kết nối các mạng lưới hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước và quốc tế; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi, tổ chức tài chính, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, quỹ đầu tư, hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ khác;

đ) Đầu tư, hỗ trợ đầu tư, nâng cấp các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, cơ sở thí nghiệm dùng chung, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và hạ tầng dùng chung khác phục vụ hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan;

e) Căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu phát triển công nghiệp và nguồn lực của địa phương, đầu tư phát triển Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp tại địa phương; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghiệp tại địa phương để thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành sản xuất, chế biến và công nghiệp hỗ trợ.

g) Thúc đẩy liên kết, chia sẻ dữ liệu, phối hợp cung cấp dịch vụ và phát triển nền tảng số dùng chung để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thông tin, chương trình, dịch vụ và nguồn lực hỗ trợ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương III. NỘI DUNG HỖ TRỢ TRỌNG TÂM

Điều 19. Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Ngoài các nội dung hỗ trợ chung quy định tại Chương II Luật này, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và các tổ chức, cá nhân có hoạt động khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ các nội dung sau đây:

1. Hỗ trợ thuế

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Việc xác định thời gian miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

c) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Hỗ trợ đào tạo, tư vấn, cố vấn, huấn luyện chuyên sâu cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, xây dựng và phát triển sản phẩm, mô hình kinh doanh, thu hút đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại hóa sản phẩm và các dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo khác.

Các hỗ trợ tại Điều này được áp dụng cơ chế chỉ định thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ phù hợp với tính chất chuyên môn và đặc thù của hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

3. Hỗ trợ kết nối chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tham gia mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế; tiếp cận quỹ đầu tư mạo hiểm và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, cơ sở thí nghiệm, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu làm việc chung và hạ tầng dùng chung phục vụ hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm.

5. Tài sản cố định là máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, thử nghiệm và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ mới hoặc máy móc, thiết bị gắn liền với công nghệ được chuyển giao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh.

6. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thuộc đối tượng được ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 20. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

Ngoài các nội dung hỗ trợ chung quy định tại Chương II Luật này, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ các nội dung sau đây:

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh, chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ chưa thanh toán của hộ kinh doanh, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo quy định của pháp luật.

2. Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, phí và lệ phí cấp lần đầu đối với giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề và các hình thức khác của điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Áp dụng cơ chế kê khai, nộp thuế, chế độ kế toán và chế độ báo cáo đơn giản của doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán.

5. Hỗ trợ chi phí tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, phần mềm kế toán và các giải pháp số phục vụ quản trị, vận hành, kế toán, hóa đơn điện tử, thanh toán và thương mại điện tử. Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới được hỗ trợ chi phí dịch vụ kế toán trong thời hạn tối đa 02 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

6. Hỗ trợ đào tạo, tư vấn, cố vấn, huấn luyện và hỗ trợ pháp lý chuyên sâu để nâng cao năng lực quản trị và tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

7. Nhà nước phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính toàn diện phù hợp với đặc điểm, quy mô và nhu cầu của các doanh nghiệp quy định tại Điều này.

8. Trong thời gian 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ, hướng dẫn, đưa ra cảnh báo về mức độ tuân thủ pháp luật.

Trường hợp doanh nghiệp vi phạm lần đầu về thuế, kế toán, bảo hiểm xã hội, lao động, điều kiện kinh doanh và các nghĩa vụ hành chính khác mà không thuộc trường hợp gian lận, trốn tránh nghĩa vụ hoặc gây hậu quả nghiêm trọng thì được ưu tiên hướng dẫn khắc phục, hoàn thiện thủ tục và có thể được xem xét miễn xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

9. Hộ kinh doanh không được hoạt động dưới danh nghĩa hộ kinh doanh kể từ thời điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

10. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững

Ngoài các nội dung hỗ trợ chung quy định tại Chương II Luật này, doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững được hỗ trợ các nội dung sau đây:

1. Ưu tiên tiếp cận các chương trình hỗ trợ tài chính, tín dụng, bảo lãnh tín dụng và các cơ chế hỗ trợ tài chính khác thông qua Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện dự án xanh, dự án kinh tế tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế và bảo vệ môi trường.

4. Tài sản cố định là máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động phục vụ chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, sản xuất sạch hơn hoặc máy móc, thiết bị gắn liền với công nghệ được chuyển giao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh.

5. Hỗ trợ chi phí tư vấn, đánh giá, chứng nhận, đo lường, xây dựng báo cáo năng lực đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn về kinh doanh bền vững, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, môi trường, xã hội và quản trị (ESG) theo quy định của pháp luật.

6. Hỗ trợ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh

Căn cứ quy mô, lĩnh vực hoạt động, doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững được hỗ trợ chi phí tư vấn, xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi số gắn với chuyển đổi xanh, bao gồm:

a) Trang bị, mua sắm hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản trị doanh nghiệp (ERP) nhằm đổi mới, tái cấu trúc quy trình, mô hình tổ chức và phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với giảm phát thải khí nhà kính;

b) Trang bị, mua sắm, thuê, khai thác và sử dụng các giải pháp kỹ thuật, công cụ số nhằm theo dõi và cải thiện việc tiêu thụ năng lượng, tài nguyên, nguyên vật liệu đầu vào gắn với giảm phát thải khí nhà kính.

c) Trang bị, mua sắm máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ, ứng dụng Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và giải pháp sản xuất thông minh.

7. Hỗ trợ đào tạo, tư vấn, cố vấn, huấn luyện và hỗ trợ pháp lý chuyên sâu để phát triển mô hình kinh doanh bền vững, chuyển đổi số gắn với chuyển đổi xanh, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, quản trị doanh nghiệp và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn phát triển bền vững của thị trường trong nước và quốc tế.

8. Ưu tiên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, kết nối doanh nghiệp, kết nối chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất, kinh doanh xanh, tuần hoàn, bền vững.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị và đầu tư ra nước ngoài

Ngoài các nội dung hỗ trợ chung quy định tại Chương II Luật này, doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, chế biến được hỗ trợ các nội dung sau đây:

1. Ưu tiên tiếp cận các chương trình hỗ trợ tài chính, tín dụng, bảo lãnh tín dụng và các cơ chế hỗ trợ tài chính khác thông qua Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế bằng 150% chi phí thực tế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với chi phí xây dựng thương hiệu quốc tế, chi phí chuẩn hóa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn phát triển bền vững, thuê chuyên gia nước ngoài nghiên cứu thị trường, marketing quốc tế.

3. Hỗ trợ đào tạo, tư vấn, cố vấn, huấn luyện chuyên sâu và hỗ trợ pháp lý:

a) Đánh giá năng lực, tư vấn xây dựng lộ trình, kế hoạch cải thiện và nâng cấp doanh nghiệp về quản trị, công nghệ, đổi mới sáng tạo, sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và năng lực khác để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và khả năng phát triển thành doanh nghiệp quy mô lớn hơn;

b) Phát triển thị trường, sản phẩm, tiêu chuẩn chất lượng, thiết kế, thương hiệu, logistics, phân phối, dịch vụ sau bán hàng, quản trị chuỗi cung ứng, thương mại điện tử xuyên biên giới và các hoạt động kết nối kinh doanh.

c) Hỗ trợ pháp lý chuyên sâu theo nhu cầu của doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị.

5. Hỗ trợ công nghệ, sản xuất thông minh và chuyển đổi số

a) Được hỗ trợ thực hiện hoạt động đồng phát triển công nghệ với doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp lớn, tổ chức khoa học và công nghệ và đối tác trong nước, quốc tế;

b) Được hỗ trợ các nội dung về chuyển đổi số quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật này.

6. Chi phí đào tạo, đào tạo lại nhân lực, tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, hỗ trợ chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp

7. Tài sản cố định là máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, sản xuất thông minh hoặc máy móc, thiết bị gắn liền với công nghệ được chuyển giao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh.

8. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ xây dựng chiến lược đầu tư quốc tế, bao gồm chiến lược mua bán và sáp nhập, góp vốn, mua cổ phần; phát triển hiện diện thương mại, kết nối đối tác, xúc tiến đầu tư và triển khai hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 23. Các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với ưu tiên và mục tiêu phát triển của quốc gia.

Chương IV. QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA, QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VÀ QUỸ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Mục 1. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Điều 24. Địa vị pháp lý

Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận.

Điều 25. Chức năng, nhiệm vụ

Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau:

1. Cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo danh mục. Việc bảo lãnh tín dụng dựa trên các hình thức sau:

- a) Tài sản bảo đảm;
- b) Phương án sản xuất kinh doanh khả thi;
- c) Dữ liệu, dòng tiền, chuỗi giá trị, các chỉ tiêu tác động được hoàn thành hoặc xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và xem xét các tài sản bảo đảm bao gồm cả động sản, tài sản vô hình, tài sản hình thành trong tương lai;
- d) Khuyến khích các tổ chức bảo lãnh thực hiện bảo lãnh theo hình thức quy định tại điểm b và c khoản này.

2. Tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp; vốn đóng góp của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp; vốn tài trợ, viện trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vốn đóng góp hợp pháp khác.

3. Phát hành trái phiếu được chính quyền địa phương bảo lãnh theo quy định của pháp luật; huy động và quản lý các nguồn vốn huy động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

4. Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

5. Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết; không được từ chối bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đủ điều kiện được bảo lãnh.

6. Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 26. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn chủ sở hữu gồm:

- a) Vốn điều lệ do ngân sách địa phương;
- b) Vốn đóng góp hằng năm của các tổ chức tín dụng theo quy định của Chính phủ;
- c) Vốn đóng góp của các doanh nghiệp;
- d) Vốn tài trợ, viện trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- đ) Các nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động:

- a) Vốn phát hành trái phiếu được chính quyền địa phương bảo lãnh theo quy định của pháp luật;
- b) Vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- c) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Các nguồn vốn khác gồm:

- a) Vốn nhận ủy thác của chính quyền địa phương, các quỹ tài chính địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để thực hiện yêu cầu của bên nhận ủy thác theo quy định của pháp luật;
- b) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Bảo đảm khả năng thanh toán và cơ chế tài chính, xử lý rủi ro

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được chính quyền địa phương bảo đảm khả năng thanh toán.

2. Cơ chế tài chính, xử lý rủi ro của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 28. Tỷ lệ chấp nhận rủi ro và nguyên tắc bảo lãnh vô điều kiện

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng quản lý theo mục tiêu tổng thể, chấp nhận rủi ro có kiểm soát, bảo đảm minh bạch, an toàn. Tỷ lệ rủi ro được xác định phù hợp với danh mục bảo lãnh.

2. Tỷ lệ chấp nhận rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng theo quy định của pháp luật đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Mục 2. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Điều 29. Địa vị pháp lý

Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, do Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận.

Điều 30. Chức năng, nhiệm vụ

Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau:

1. Cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dự án khởi nghiệp;
2. Thực hiện cung cấp các khoản tài chính hỗn hợp, tài trợ đồng hành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Tài trợ vốn ban đầu cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo, dự án xây dựng vườn ươm.
4. Đầu tư vào các quỹ đầu tư địa phương, quỹ đầu tư mạo hiểm tư nhân để tăng nguồn cung vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
5. Thực hiện chức năng tái bảo lãnh cho quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương quy định tại Mục I Chương IV của Luật này.
6. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
7. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 31. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn ngân sách nhà nước.
2. Các nguồn vốn khác gồm:
 - a) Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ;
 - b) Vốn đóng góp của các doanh nghiệp; vốn tài trợ, viện trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

Điều 32. Bảo đảm khả năng thanh toán và cơ chế tài chính, xử lý rủi ro

1. Quỹ Phát triển cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán.
2. Cơ chế tài chính, xử lý rủi ro của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 33. Tỷ lệ chấp nhận rủi ro và nguyên tắc bảo lãnh vô điều kiện

1. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa quản lý theo mục tiêu tổng thể, chấp nhận rủi ro có kiểm soát, bảo đảm minh bạch, an toàn.
2. Tỷ lệ chấp nhận rủi ro trong hoạt động cho vay do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng theo quy định của pháp luật đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ thực hiện theo quy định của Chính phủ.
3. Tỷ lệ chấp nhận rủi ro đối với các khoản tái bảo lãnh đối với quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 34. Cơ chế và nguyên tắc thực hiện tái bảo lãnh cho quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương

1. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện tái bảo lãnh tối đa 70% phần nghĩa vụ bảo lãnh của cho quỹ bảo lãnh tín dụng ở địa phương.

2. Nguyên tắc thực hiện tái bảo lãnh

a) Tái bảo lãnh được thực hiện trên cơ sở chia sẻ rủi ro giữa các bên gồm ngân hàng thương mại, quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương và Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Không thực hiện bảo lãnh hoặc tái bảo lãnh toàn bộ rủi ro của khoản vay, trừ trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định.

Mục 3. Quỹ đầu tư mạo hiểm tư nhân cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Điều 35. Địa vị pháp lý

1. Quỹ đầu tư mạo hiểm tư nhân được thành lập và vận hành từ vốn góp của các nhà đầu tư để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Quỹ không có tư cách pháp nhân và không phải nộp thuế thu nhập; thu nhập từ quỹ được phân bổ trực tiếp cho nhà quản lý quỹ và nhà đầu tư góp vốn tự thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 36. Cơ chế ưu đãi đối với nhà đầu tư

Nhà đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tại khoản 1 Điều này được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.

Điều 37. Thúc đẩy phát triển thị trường vốn đầu tư mạo hiểm cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

1. Nhà nước khuyến khích phát triển các loại hình đầu tư mạo hiểm đa dạng, các đơn vị quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm chuyên nghiệp để huy động vốn mạo hiểm cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên nguyên tắc chấp nhận rủi ro; quản lý theo mục tiêu tổng thể. Người quản lý quỹ và người quyết định đầu tư được miễn trừ trách nhiệm pháp lý khi dự án không thu hồi được vốn nếu đã thực hiện đúng quy trình thẩm định, ra quyết định khách quan và không có hành vi trục lợi.

2. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước có chức năng đầu tư, các định chế tài chính có vốn góp của Nhà nước tham gia góp vốn vào các quỹ đầu tư mạo hiểm tư nhân và thực hiện theo nguyên tắc thị trường.

3. Nhà nước thúc đẩy phát triển thị trường giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

CHƯƠNG V. TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Điều 38. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Xây dựng dự toán ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
3. Ban hành theo thẩm quyền chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
2. Thực hiện vai trò điều phối, xác định mục tiêu, đối tượng, trọng tâm hỗ trợ để xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc.
3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đến từ các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trung ương và địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp.
4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ bố trí nguồn vốn để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
5. Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc; xây dựng, nâng cấp, vận hành Công Thông tin doanh nghiệp và Hệ thống thông tin doanh nghiệp.

Điều 40. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:
 - a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
 - b) Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
 - c) Tổ chức việc thống kê và công bố thông tin về doanh nghiệp nhỏ và vừa;
 - d) Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;
 - đ) Ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
 - e) Xây dựng và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý; kết nối các chương trình hỗ trợ, cơ sở dữ

liệu, chuyên gia, dịch vụ và nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Hệ thống thông tin doanh nghiệp.

2. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia mở rộng thị trường thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, vươn ra thị trường quốc tế và các chương trình liên quan khác;

b) Hướng dẫn việc bố trí quỹ đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn việc hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn xác định các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung môi trường, xã hội và quản trị (ESG).

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách của Chính phủ về hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 41. Trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Công bố thông tin hệ thống đầu mối một cửa hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cấp tỉnh, cấp xã; tăng cường năng lực cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn.

c) Giám sát việc tuân theo pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn phụ trách.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh;

b) Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tôn vinh doanh nghiệp nhỏ và vừa có thành tích tiêu biểu, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 42. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, huy động các nguồn lực hỗ trợ hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia đánh giá các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

4. Thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp lớn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các điều kiện, cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật này; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tuân thủ các thủ tục hành chính.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để chứng minh, xác nhận việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đầu tư thành lập, quản lý và vận hành tổ chức thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hình thức đối tác công tư hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3. Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

Điều 45. Công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan.

2. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Niêm yết công khai tại cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

b) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Cổng thông tin doanh nghiệp.

3. Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được thực hiện chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản 1 Điều này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 46. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân tài trợ kiểm tra, giám sát, đánh giá tác động về nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật; công khai kết quả đánh giá theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật này.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát, đánh giá bao gồm:

a) Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ; việc thực hiện trình tự, thủ tục và nội dung hỗ trợ;

b) Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ;

c) Việc thực hiện công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 45 của Luật này.

d) Tác động, kết quả của các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Bộ Tài chính định kỳ tổ chức giám sát, đánh giá độc lập tác động của nội dung, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 47. Xử lý vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định xử lý vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan thực hiện hỗ trợ và Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15

1. Sửa điểm e khoản 1 Điều 10 như sau:

“e. Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

2. Bổ sung điểm e khoản 2 Điều 10 như sau:

“e. Cộng thêm điểm vào điểm đánh giá của nhà thầu có cam kết sử dụng nhà thầu phụ là doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

3. Bổ sung điểm k vào khoản 1 Điều 20 như sau:

“k. Lựa chọn nhà thầu trong danh sách nhà thầu đủ điều kiện”

Điều 49. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

Điều 50. Quy định chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định hỗ trợ đã được phê duyệt; trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì được thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Các quỹ đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động theo quy định đã được phê duyệt./.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn